

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16KTR

TÊN HỌC PHẦN: HÌNH HỌA 2

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN: ARC - 112

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 30/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
1	162233434	LÊ QUỲ	ÂN	K16KTR1	7	8	9						6	7.1	Báý pháý Mắú		
2	162233437	NGUYỄN CÔNG	ANH	K16KTR1	8	7	7						5	6.0	Sầú		
3	162233448	PHAN KIM	CHÂU	K16KTR1	6	5	5						HP	0.0	Khăng		
4	162233452	PHAN PHƯỚC	CHUNG	K16KTR1	9	7	6						6	6.4	Sầú pháý Bắú		
5	162233467	THÁI VIỆT	DUY	K16KTR1	9	9	8						6	7.1	Báý pháý Mắú		
6	162233471	PHẠM XUÂN	HÀ	K16KTR1	10	8	7						8	8.0	Tầm		
7	162233473	TRƯƠNG VIỆT MINH	HẢI	K16KTR1	6	6	6						6	6.0	Sầú		
8	162233479	NGUYỄN THỊ THUỶ	HÀNG	K16KTR1	10	8	7						3	0.0	Khăng		
9	162233483	NGUYỄN	HẬU	K16KTR1	8	8	8						5	6.4	Sầú pháý Bắú		
10	162233486	ĐẶNG QUANG	ĐIỆP	K16KTR1	7	8	8						6	6.8	Sầú pháý Tầm		
11	162233487	LÊ TRUNG	HIẾU	K16KTR1	8	9	9						7	7.8	Báý pháý Tầm		
12	162233489	PHẠM NGỌC	HIẾU	K16KTR1	7	6	5						6	5.9	Nằm pháý Chền		
13	162233494	LÊ NGỌC	HOÀNG	K16KTR1	10	7	5						4	5.2	Nằm pháý Hằi		
14	162233496	THÁI BẢO	HOÀNG	K16KTR1	10	7	6						1	0.0	Khăng		
15	162233502	LÊ QUANG	HÙNG	K16KTR1	10	9	8						6	7.2	Báý pháý Hằi		
16	162233510	PHẠM NGUYỄN CÔNG	HUY	K16KTR1	7	6	5						5	5.3	Nằm pháý Bằ		
17	162233520	LÊ ĐỨC	LÂM	K16KTR1	10	10	9						7	8.1	Tầm pháý Mắú		
18	162233523	LÊ THỊ THUỶ	LIÊN	K16KTR1	9	9	8						3	0.0	Khăng		
19	162233530	TRẦN HOÀNG	LUÂN	K16KTR1	10	8	6						5	6.1	Sầú pháý Mắú		
20	162233534	HỒ THỊ DIỄM	MI	K16KTR1	9	7	6						3	0.0	Khăng		
21	162233537	PHẠM HỒNG	MINH	K16KTR1	9	9	8						5	6.6	Sầú pháý Sầú		
22	162233542	LÊ NGỌC	NAM	K16KTR1	0	0	0						V	0.0	Khăng		
23	162233546	NGUYỄN PHƯỚC	NGHĨA	K16KTR1	9	7	5						5	5.6	Nằm pháý Sầú		
24	162233551	LÊ HOÀNG QUỐC	NGŨ	K16KTR1	7	8	8						7	7.4	Báý pháý Bắú		
25	162233554	LÊ THỊ	NHÂN	K16KTR1	6	5	5						6	5.7	Nằm pháý Báý		
26	162233558	NGUYỄN TRƯƠNG	PHÚ	K16KTR1	7	7	7						3	0.0	Khăng		
27	162233563	PHẠM	PHƯƠNG	K16KTR1	10	8	6						3	0.0	Khăng		
28	162233564	BÙI THỊ LAN	PHƯƠNG	K16KTR1	10	8	7						5	6.3	Sầú pháý Bằ		
29	162233569	LÊ ĐỨC	QUỐC	K16KTR1	10	8	7						5	6.3	Sầú pháý Bằ		
30	162233572	TRẦN ĐÌNH	QUYẾT	K16KTR1	8	8	8						4	5.8	Nằm pháý Tầm		
31	162233575	CAO THIÊN	SƠN	K16KTR1	3	4	5						1	0.0	Khăng		
32	162233576	LỘ THANH	TÂM	K16KTR1	10	9	8						5	6.7	Sầú pháý Báý		
33	162233585	HOÀNG MINH	THANH	K16KTR1	10	10	9						7	8.1	Tầm pháý Mắú		
34	162233586	TRẦN NGỌC	THANH	K16KTR1	7	5	0						HP	0.0	Khăng		
35	162233593	TRẦN THỊ THANH	THẢO	K16KTR1	10	8	7						2	0.0	Khăng		
36	162233596	NGUYỄN VĂN	THỊNH	K16KTR1	7	6	5						5	5.3	Nằm pháý Bằ		
37	162233612	NGUYỄN HỮU	TIẾP	K16KTR1	10	8	6						3	0.0	Khăng		
38	162233616	NGUYỄN NHO	TOÀN	K16KTR1	6	5	4						1	0.0	Khăng		
39	162233618	HUỖNH MINH	TOÀN	K16KTR1	7	6	5						1	0.0	Khăng		
40	162233626	HÀ XUÂN	TRUNG	K16KTR1	10	10	9.5						8	8.8	Tầm pháý Tầm		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16KTR

TÊN HỌC PHẦN: **HÌNH HỌA 2**

HỌC KỲ **2**

MÃ HỌC PHẦN : **ARC - 112**

TÍN CHỈ **2**

Ngày thi: 30/03/2011

LẦN THI **1**

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
41	162233633	TRẦN DUY	TÙNG	K16KTR1	7	7	7						3	0.0	Khăng		
42	162233638	PHẠM BÁ	VINH	K16KTR1	9	10	9						1	0.0	Khăng		
43	162233642	NGUYỄN THẾ	VŨ	K16KTR1	9	7	5						2	0.0	Khăng		
44	162236505	ĐẶNG QUỐC	HUY	K16KTR1	8	8	8						4	5.8	Nằm pháy Tầm		
45	162236638	TRẦN VĂN	BẢO	K16KTR1	0	0	0						5	2.8	Hai pháy Tầm		
46	162236640	ĐẶNG QUANG	LUẬN	K16KTR1	7	7	6						3	0.0	Khăng		
47	162236643	TRẦN THANH	TỊNH	K16KTR1	9	8	7						6	6.8	Sâu pháy Tầm		
48	162237348	ĐỖ THANH	THẮNG	K16KTR1	6	5	0						HP	0.0	Khăng		
49	162237656	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	K16KTR1	8	5	2						2	0.0	Khăng		
50	142234838	NGUYỄN TRUNG	TÍN	K16KTR2	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
51	162233442	NGUYỄN LÊ DUY	BẢO	K16KTR2	10	8	7						6	6.9	Sâu pháy Chên		
52	162233445	NGUYỄN VIỆT	BIÊN	K16KTR2	10	8	7						8	8.0	Tầm		
53	162233449	TRẦN THỊ	CHI	K16KTR2	10	10	9.5						7	8.2	Tầm pháy Hai		
54	162233458	LÊ PHƯỚC	DANH	K16KTR2	6	5	0						HP	0.0	Khăng		
55	162233461	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	K16KTR2	7	7	6						4	5.1	Nằm pháy Mất		
56	162233464	VÕ VIỆT	ĐỨC	K16KTR2	10	10	9						8	8.7	Tầm pháy Báy		
57	162233468	LÊ NGUYỄN HẠNH	DUYÊN	K16KTR2	10	10	9.5						9.5	9.6	Chên pháy Sâu		
58	162233477	NGUYỄN NHẬT	HÂN	K16KTR2	8	9	8						3	0.0	Khăng		
59	162233480	ĐINH PHƯƠNG HỒNG	HẠNH	K16KTR2	7	7	6						2	0.0	Khăng		
60	162233481	TRẦN LÝ QUANG	HÀO	K16KTR2	10	8	7						7	7.4	Báy pháy Bấu		
61	162233484	NGUYỄN	HIỀN	K16KTR2	7	8	8						4	5.7	Nằm pháy Báy		
62	162233497	LÊ BÁ NHẬT	HOÀNG	K16KTR2	8	8	7						6	6.7	Sâu pháy Báy		
63	162233499	NGUYỄN DUY	HỢP	K16KTR2	8	8	7.5						5	6.2	Sâu pháy Hai		
64	162233504	NGUYỄN QUANG	HÙNG	K16KTR2	8	7	6						4	5.2	Nằm pháy Hai		
65	162233511	ĐINH QUỐC	HUY	K16KTR2	8	7	6						3	0.0	Khăng		
66	162233521	NGUYỄN THANH	LÂM	K16KTR2	8	6	4						6	5.7	Nằm pháy Báy		
67	162233528	TRẦN	LỢI	K16KTR2	10	10	9						6	7.6	Báy pháy Sâu		
68	162233535	ĐOÀN QUANG	MINH	K16KTR2	8	6	4						9	7.4	Báy pháy Bấu		
69	162233540	HẠ THỊ THANH	MỸ	K16KTR2	10	9	8						4	6.1	Sâu pháy Mất		
70	162233543	LÊ ĐÌNH	NAM	K16KTR2	8	7	5						3	0.0	Khăng		
71	162233547	TRƯƠNG CÔNG	NGỌ	K16KTR2	7	8	8						6	6.8	Sâu pháy Tầm		
72	162233555	TRẦN THỊ MỸ	NHI	K16KTR2	7	6	5						2	0.0	Khăng		
73	162233559	NGUYỄN DUY	PHÚC	K16KTR2	8	8	7.5						3	0.0	Khăng		
74	162233562	TRƯƠNG THỊ THUỶ	PHƯƠNG	K16KTR2	8	8	7						3	0.0	Khăng		
75	162233570	LÊ PHƯỚC	QUỐC	K16KTR2	8	7	5						5	5.5	Nằm pháy Nằm		
76	162233573	TRẦN HẠ	SAN	K16KTR2	10	7	5						7	6.8	Sâu pháy Tầm		
77	162233577	ĐẶNG VĂN	TÂN	K16KTR2	9	10	9.5						9.5	9.5	Chên pháy Nằm		
78	162233579	NGUYỄN VĂN	TÂY	K16KTR2	10	8	6						5.5	6.3	Sâu pháy Ba		
79	162233590	NGUYỄN QUANG	THÀNH	K16KTR2	8	7	5						2	0.0	Khăng		
80	162233591	HÀ CÔNG	THÀNH	K16KTR2	8	8	8						1	0.0	Khăng		
81	162233594	ĐOÀN THUỶ	THI	K16KTR2	8	8	7						3	0.0	Khăng		
82	162233597	NGUYỄN ĐÌNH	THÔNG	K16KTR2	10	7	5						3	0.0	Khăng		
83	162233602	ĐINH LÝ HOÀI	THƯƠNG	K16KTR2	10	8	7						6	6.9	Sâu pháy Chên		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16KTR

TÊN HỌC PHẦN: HÌNH HỌA 2

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN : ARC - 112

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 30/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	25						55	100			
84	162233604	NGUYỄN PHẠM SƠN THUY	K16KTR2	8	8	8						8	8.0	Tam		
85	162233608	NGUYỄN NAM TIẾN	K16KTR2	8	7	6						5	5.8	Nam pháp Tam		
86	162233609	NGUYỄN VŨ TIẾN	K16KTR2	6	6	6						8	7.1	Baý pháp Mất		
87	162233613	LÊ HUY TÍN	K16KTR2	7	7	6						5	5.7	Nam pháp Baý		
88	162233619	CAO XUÂN TOÀN	K16KTR2	8	8	7						5	6.1	Sâu pháp Mất		
89	162233624	NGUYỄN MINH TRÍ	K16KTR2	7	7	7						5	5.9	Nam pháp Chên		
90	162233627	NGUYỄN BẢO TRUNG	K16KTR2	8	8	8						4	5.8	Nam pháp Tam		
91	162233634	TRỊNH THANH TÙNG	K16KTR2	10	7	4						5	5.5	Nam pháp Nam		
92	162233639	TRƯƠNG TÂN VINH	K16KTR2	7	7	6						6	6.2	Sâu pháp Hai		
93	162233640	THÁI TRẦN HOÀNG VŨ	K16KTR2	9	9	8						5	6.6	Sâu pháp Sâu		
94	162236434	TRẦN QUANG TU	K16KTR2	7	7	7						9	8.1	Tam pháp Mất		
95	162236435	NGUYỄN THỊ BẢO YẾN	K16KTR2	9	9	8.5						3	0.0	Khăng		
96	162236504	PHẠM VĂN HOÀ	K16KTR2	9	8	7						4	5.7	Nam pháp Baý		
97	162236644	CAO ĐẶNG HUYỀN TRANG	K16KTR2	10	8	6						5	6.1	Sâu pháp Mất		
98	162237617	PHẠM TIẾN TRUNG	K16KTR2	7	5	3						4	4.2	Bấ pháp Hai		
99	162233436	THÁI THỊ ANH	K16KTR3	10	8	5						6	6.4	Sâu pháp Bấ		
100	162233441	PHAN TUẤN ANH	K16KTR3	10	8	7.5						5.5	6.7	Sâu pháp Baý		
101	162233443	NGUYỄN QUỐC BẢO	K16KTR3	1	0	0						V	0.0	Khăng		
102	162233446	PHẠM VĂN CHẤT	K16KTR3	9	6	7.5						6	6.7	Sâu pháp Baý		
103	162233450	LÊ VĂN CHIẾN	K16KTR3	9	10	6.5						6	6.8	Sâu pháp Tam		
104	162233456	VÕ VĂN CƯỜNG	K16KTR3	8	1	0						4	3.1	Ba pháp Mất		
105	162233462	PHẠM ĐẠT	K16KTR3	8	8	0						1	0.0	Khăng		
106	162233465	HOÀNG QUỐC DŨNG	K16KTR3	7	0	1						6	4.3	Bấ pháp Ba		
107	162233469	NGÔ THỊ KIỀU GIANG	K16KTR3	8	8	1						3	0.0	Khăng		
108	162233472	NGÔ HẢI	K16KTR3	8	6	3						4	4.4	Bấ pháp Bấ		
109	162233485	TRẦN MINH HIỀN	K16KTR3	9	4	3						5	4.8	Bấ pháp Tam		
110	162233492	TRẦN VIỆT HOÀN	K16KTR3	9	8	2.5						5	5.1	Nam pháp Mất		
111	162233498	NGUYỄN HỒNG HOÀNG	K16KTR3	9	4	0						2	0.0	Khăng		
112	162233503	LƯU VĂN HÙNG	K16KTR3	9	0	7.5						6	6.1	Sâu pháp Mất		
113	162233512	PHẠM THỊ HUYỀN	K16KTR3	10	6	5.5						2	0.0	Khăng		
114	162233515	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	K16KTR3	10	6	5						5	5.6	Nam pháp Sâu		
115	162233525	NGUYỄN QUANG LÍNH	K16KTR3	8	6	5						2	0.0	Khăng		
116	162233529	ĐẶNG HOÀNG LONG	K16KTR3	7	0	4.5						6	5.1	Nam pháp Mất		
117	162233533	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LUY	K16KTR3	9	10	6.5						3	0.0	Khăng		
118	162233538	HOÀNG NGỌC BẢO MINH	K16KTR3	3	0	2						HP	0.0	Khăng		
119	162233544	ĐẶNG THỊ KIM NGA	K16KTR3	9	10	5						8	7.6	Baý pháp Sâu		
120	162233556	HỒ TUẤN PHONG	K16KTR3	9	8	7.5						9	8.5	Tam pháp Nam		
121	162233561	DƯƠNG PHÚ PHƯỚC	K16KTR3	10	10	5.5						4.5	5.9	Nam pháp Chên		
122	162233567	HOÀNG TRỌNG QUANG	K16KTR3	10	7.5	6.5						8.5	8.1	Tam pháp Mất		
123	162233574	PHẠM NGỌC SINH	K16KTR3	4	0	6.5						4.5	4.5	Bấ pháp Nam		
124	162233578	NGUYỄN MINH TÂN	K16KTR3	9	9	5.5						5	5.9	Nam pháp Chên		
125	162233581	LÊ HOÀNG VIỆT THẮNG	K16KTR3	8	8	5						4	5.1	Nam pháp Mất		
126	162233582	HOÀNG TIẾN THẮNG	K16KTR3	0	0	3						4.5	3.2	Ba pháp Hai		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16KTR

TÊN HỌC PHẦN: HÌNH HỌA 2

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN : ARC - 112

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 30/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	25						55	100			
127	162233584	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	K16KTR3	8	7	7.5						9	8.3	Tam pháp Ba		
128	162233587	NGÔ VIỆT THANH	K16KTR3	8	4	3						5.5	5.0	Nằm		
129	162233589	VŨ ĐỨC THÀNH	K16KTR3	4	0	5						5	4.4	Bầu pháp Bầu		
130	162233595	DƯƠNG VĂN THIỆN	K16KTR3	2	0	2						4.5	3.2	Ba pháp Hai		
131	162233598	LÊ NGỌC THU	K16KTR3	10	10	6.5						3.5	0.0	Khăng		
132	162233601	HOÀNG THỊ HOÀI THUỜNG	K16KTR3	7	10	7						3.5	0.0	Khăng		
133	162233606	PHẠM THỊ LAM THUYỀN	K16KTR3	9	0	6						3.5	0.0	Khăng		
134	162233610	NGUYỄN TÀI TIỀN	K16KTR3	5	0	5						8	6.2	Sâu pháp Hai		
135	162233614	VŨ VĂN TÍNH	K16KTR3	10	4	8						9	8.4	Tam pháp Bầu		
136	162233617	GIANG VĂN TOÀN	K16KTR3	7	0	1.5						4.5	3.6	Ba pháp Sâu		
137	162233620	HUỖNH THỊ THÙY TRANG	K16KTR3	10	9	5.5						2	0.0	Khăng		
138	162233628	THÁI LÂM TRƯỜNG	K16KTR3	9	6	6						6.5	6.6	Sâu pháp Sâu		
139	162233630	NGUYỄN VINH TUẤN	K16KTR3	10	6	5.5						6.5	6.6	Sâu pháp Sâu		
140	162233635	PHẠM NGỌC TUYỀN	K16KTR3	3	0	0						HP	0.0	Khăng		
141	162233644	PHAN BÁ VƯƠNG	K16KTR3	9	10	6.5						4	5.7	Nằm pháp Bảy		
142	162236641	DƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT	K16KTR3	9	7	6.5						5	6.0	Sâu		
143	162236709	NGÔ THỊ ANH	K16KTR3	9	10	7.5						3	0.0	Khăng		
144	162236710	NGUYỄN VĂN DANH	K16KTR3	1	0	3						6	4.2	Bầu pháp Hai		
145	162236834	TÔ NGỌC QUỐC	K16KTR3	7	6	5						3	0.0	Khăng		
146	162236915	LÊ THẾ PHƯƠNG	K16KTR3	8	0	6.5						7	6.3	Sâu pháp Ba		
147	162236916	LÊ XUÂN THÀNH	K16KTR3	7	4	5						7.5	6.5	Sâu pháp Nằm		
148	162237005	TRƯƠNG XUÂN VINH	K16KTR3	10	8	8						5.5	6.8	Sâu pháp Tam		
149	152233019	NGÔ THỊ GIANG	K16KTR4	10	9	7						8	8.1	Tam pháp Mũi		
150	162233438	TRẦN ĐỨC ANH	K16KTR4	3	0	7.5						4.5	4.7	Bầu pháp Bảy		
151	162233439	NGUYỄN ĐỨC ANH	K16KTR4	9	7.5	9						9	8.9	Tam pháp Chén		
152	162233444	PHÙNG QUỐC BẢO	K16KTR4	10	4	5.5						4.5	5.3	Nằm pháp Ba		
153	162233447	NGUYỄN THỊ MỸ CHÂU	K16KTR4	6	8.5	4						7	6.3	Sâu pháp Ba		
154	162233451	TRẦN HỮU CHINH	K16KTR4	9	8	3.5						3	0.0	Khăng		
155	162233454	TRẦN VĂN CƯỜNG	K16KTR4	9	4	5						5	5.3	Nằm pháp Ba		
156	162233466	NGUYỄN THỊ HƯƠNG DƯƠNG	K16KTR4	8	8	6						4.5	5.6	Nằm pháp Sâu		
157	162233470	NGUYỄN GIÀU	K16KTR4	6	6.5	2						4	4.0	Bầu		
158	162233474	PHẠM THANH HẢI	K16KTR4	8	7.5	6						6	6.4	Sâu pháp Bầu		
159	162233475	ĐỖ VĂN HẢI	K16KTR4	10	8.5	0						8	6.3	Sâu pháp Ba		
160	162233490	LÊ TRUNG HIẾU	K16KTR4	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
161	162233491	NGUYỄN VĂN HIẾU	K16KTR4	10	9.5	0						7	5.8	Nằm pháp Tam		
162	162233501	CAO MẠNH HÙNG	K16KTR4	9	7	7						9	8.3	Tam pháp Ba		
163	162233505	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	K16KTR4	9	7.5	7.5						7.5	7.7	Bảy pháp Bảy		
164	162233526	LÊ VĂN LỘC	K16KTR4	8	6.5	7						7	7.1	Bảy pháp Mũi		
165	162233536	PHẠM VIỆT MINH	K16KTR4	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
166	162233541	NGUYỄN LÊ NA	K16KTR4	10	8.5	7						3	0.0	Khăng		
167	162233545	LÊ MỸ NGÂN	K16KTR4	9	7.5	7.5						8	7.9	Bảy pháp Chén		
168	162233549	TRẦN ĐỖ ÁNH NGỌC	K16KTR4	10	9.5	6						6	6.8	Sâu pháp Tam		
169	162233553	HỒ VĂN NHÂN	K16KTR4	5	5.5	0						5.5	4.1	Bầu pháp Mũi		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16KTR

TÊN HỌC PHẦN: HÌNH HỌA 2

HỌC KỲ 2

MÃ HỌC PHẦN : ARC - 112

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 30/03/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25						55	100			
170	162233557	PHẠM CHÂU	PHONG	K16KTR4	8	6.5	8						5.5	6.5	Sau pháp Nàm		
171	162233560	THIỀU QUANG	PHƯỚC	K16KTR4	4	0	0						3	0.0	Khăng		
172	162233565	NGUYỄN NGỌC NHẬT	PHƯƠNG	K16KTR4	8	8	6						4	5.3	Nàm pháp Ba		
173	162233568	NGÔ ĐÌNH	QUẾ	K16KTR4	8	8	7						8.5	8.0	Tam		
174	162233580	VÕ ĐỨC	THẮNG	K16KTR4	4	0	5						6	5.0	Nàm		
175	162233583	TRẦN PHƯỚC	THANH	K16KTR4	10	8	6.5						4	5.6	Nàm pháp Sau		
176	162233588	NGUYỄN VIỆT	THÀNH	K16KTR4	6	0	7						6	5.7	Nàm pháp Baý		
177	162233592	NGUYỄN QUỐC	THẠNH	K16KTR4	8	5	0						7.5	5.4	Nàm pháp Bấu		
178	162233600	ĐÀO DUY VĨNH	THUẬN	K16KTR4	6	2.5	0						2	0.0	Khăng		
179	162233603	PHẠM THƯƠNG	THƯƠNG	K16KTR4	9	9	7						9	8.5	Tam pháp Nàm		
180	162233607	TRẦN THỦY	TIÊN	K16KTR4	5	0	3.5						2	0.0	Khăng		
181	162233611	TRẦN NGỌC	TIÊN	K16KTR4	10	9	0						4.5	4.4	Bấu pháp Bấu		
182	162233615	LÊ THANH	TỊNH	K16KTR4	9	10	8						10	9.4	Chen pháp Bấu		
183	162233621	NGUYỄN THẾ BÍCH	TRANG	K16KTR4	10	9	6.5						7	7.4	Baý pháp Bấu		
184	162233625	NGUYỄN NHẬT	TRÌNH	K16KTR4	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
185	162233629	TRẦN CÔNG	TRƯỜNG	K16KTR4	10	7.5	6.5						8	7.8	Baý pháp Tam		
186	162233632	NGUYỄN THANH	TUẤN	K16KTR4	10	2.5	8						6.5	6.8	Sau pháp Tam		
187	162233637	HOÀNG ANH	VIỆT	K16KTR4	9	4.5	5						2.5	0.0	Khăng		
188	162233641	LÊ MINH	VŨ	K16KTR4	2	0	0						3	0.0	Khăng		
189	162233643	VÕ ĐÌNH	VƯƠNG	K16KTR4	6	7	4						4	4.5	Bấu pháp Nàm		
190	162236506	NGUYỄN VĂN	MẠNH	K16KTR4	8	6.5	7						8	7.6	Baý pháp Sau		
191	162236507	HUỖNH NGỌC	THỊNH	K16KTR4	4	0	0						HP	0.0	Khăng		
192	162236639	NGUYỄN QUANG	HIẾU	K16KTR4	9	9	6						5	6.1	Sau pháp Mâu		
193	162236835	NGUYỄN CHÍ DUY	THÀNH	K16KTR4	9	8.5	8						8	8.2	Tam pháp Hai		
194	162237421	LÊ XUÂN	QUYỀN	K16KTR4	10	9	7						5	6.4	Sau pháp Bấu		
195	152232028	LÊ ĐỨC	TRUNG	K16KTR5	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
196	152232869	PHẠM MINH	TUẤN	K16KTR5	5	4	5						5.5	5.2	Nàm pháp Hai		
197	152232871	HỒ ĐẮC	BẢO	K16KTR5	0	0	0						V	0.0	Khăng		
198	152232912	HOÀNG MINH	CÔNG	K16KTR5	1	1	0						1	0.0	Khăng		
199	152232914	NGÔ	TIN	K16KTR5	4	0	5						3.5	0.0	Khăng		
200	152232917	ĐẶNG TRẦN	HIỀN	K16KTR5	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
201	152232918	CẦN NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	6	5	2						1.5	0.0	Khăng		
202	152232926	HỒ XUÂN	THỊNH	K16KTR5	5	0	0						HP	0.0	Khăng		
203	152232933	HỒ THANH	TUẤN	K16KTR5	5	0	6						3.5	0.0	Khăng		
204	152232955	HOÀNG ANH	NHẬT	K16KTR5	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
205	152232965	TRỊNH NGỌC HUY	TOÀN	K16KTR5	5	0	0						6	3.8	Ba pháp Tam		
206	152233015	NGUYỄN ĐĂNG	NHẬT	K16KTR5	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
207	152233016	TRẦN DUY	SƠN	K16KTR5	4	0	0						HP	0.0	Khăng		
208	162233435	VÕ NGỌC QUỲNH	ANH	K16KTR5	5	5	6						3	0.0	Khăng		
209	162233440	ĐỖ VIỆT TRẦN	ANH	K16KTR5	2	0	0						HP	0.0	Khăng		
210	162233453	ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	K16KTR5	10	5	7						3	0.0	Khăng		
211	162233455	NGUYỄN HOÀNG QUỐC	CƯỜNG	K16KTR5	9	7	8						6	6.9	Sau pháp Chen		
212	162233457	VÕ BÁ	DANH	K16KTR5	10	6	6.5						3	0.0	Khăng		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16KTR
TÊN HỌC PHẦN: HÌNH HỌA 2
MÃ HỌC PHẦN : ARC - 112

HỌC KỲ 2
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 30/03/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10	10	25							55	100		
213	162233459	VÕ TIẾN	ĐẠT	K16KTR5	8	6	6.5						5	5.8	Nằm pháy Tầm		
214	162233460	LƯƠNG TẤN	ĐẠT	K16KTR5	6	2.5	2						6.5	4.9	Bấu pháy Chên		
215	162233476	PHAN QUỐC	HÂN	K16KTR5	10	5	5.5						6	6.2	Sầu pháy Hai		
216	162233478	NGUYỄN	HĂNG	K16KTR5	10	1	8						7.5	7.2	Báy pháy Hai		
217	162233482	NGUYỄN NHẬT	HẬU	K16KTR5	9	4	6.5						5	5.7	Nằm pháy Báy		
218	162233488	NGÔ VĂN	HIẾU	K16KTR5	6	1	5.5						6.5	5.7	Nằm pháy Báy		
219	162233493	ĐẶNG MINH	HOÀNG	K16KTR5	10	5	6						6.5	6.6	Sầu pháy Sầu		
220	162233495	NGUYỄN TRI BẢO	HOÀNG	K16KTR5	9	7	8						7	7.5	Báy pháy Nằm		
221	162233500	VÕ THỊ	HUỆ	K16KTR5	10	10	7						6.5	7.3	Báy pháy Ba		
222	162233506	PHẠM VŨ QUANG	HUY	K16KTR5	0	0	0						HP	0.0	Khăng		
223	162233507	NGÔ VĂN	HUY	K16KTR5	7	4	6						3.5	0.0	Khăng		
224	162233508	TRẦN KIM	HUY	K16KTR5	10	5.5	6						3	0.0	Khăng		
225	162233514	NGÔ THÁI QUỐC	KHÁNH	K16KTR5	10	5	6.5						6	6.4	Sầu pháy Bấu		
226	162233516	BÙI QUANG	KHOA	K16KTR5	8	4	5						5	5.2	Nằm pháy Hai		
227	162233517	LƯU TÔNG ĐĂNG	KHOA	K16KTR5	9	7	6						5.5	6.1	Sầu pháy Mất		
228	162233518	TRẦN PHƯỚC	KỸ	K16KTR5	10	6.5	5						4.5	5.4	Nằm pháy Bấu		
229	162233519	TRƯƠNG VĂN	LÂM	K16KTR5	1	0	0						1.5	0.0	Khăng		
230	162233522	TRẦN VIỆT	LIÊM	K16KTR5	9	5	6						6	6.2	Sầu pháy Hai		
231	162233524	LÊ NHẬT	LINH	K16KTR5	4	1	0						3	0.0	Khăng		
232	162233527	NGUYỄN VĂN	LỘC	K16KTR5	8	3.5	4						HP	0.0	Khăng		
233	162233532	VÕ GIA	LƯU	K16KTR5	7	5.5	5						5.5	5.5	Nằm pháy Nằm		
234	162233539	NGUYỄN TẤN	MỸ	K16KTR5	9	1	6						6	5.8	Nằm pháy Tầm		
235	162233552	ĐÌNH BÌNH	NGUYỄN	K16KTR5	8	0.5	5						HP	0.0	Khăng		
236	162233599	NGUYỄN THỊ	THUẬN	K16KTR5	9	8	6						4	5.4	Nằm pháy Bấu		
237	162233622	PHẠM QUỐC	TRÍ	K16KTR5	10	6.5	6						4	5.4	Nằm pháy Bấu		
238	162233623	NGUYỄN QUANG	TRÍ	K16KTR5	9	5	4						4	4.6	Bấu pháy Sầu		
239	162233645	VÕ KHÁNH	VY	K16KTR5	10	10	5.5						3	0.0	Khăng		
240	162236508	PHẠM NGỌC	TÚ	K16KTR5	2	0	0						HP	0.0	Khăng		
241	162236642	NGUYỄN THỊ THANH	THUY	K16KTR5	10	7	8						4	5.9	Nằm pháy Chên		
242	162237347	HỒ THỊ MINH	PHƯƠNG	K16KTR5	9	5	8						3	0.0	Khăng		
1	0674	PHẠM HOÀNG	VĂN	K11KTR3	8	6.5	5						6	6.0	Sầu		
2	0595	TRẦN	PHƯƠNG	K12KTR2	7	7	5						6	6.0	Sầu		
3	0576	NGUYỄN ĐẮC	HIẾU	K13KTR3	6	6	5						V	0.0	Khăng		
4	1391	LÊ TÚ LINH	GIANG	K14KTR1	9	9	9						6	7.4	Báy pháy Bấu		
5	1454	ĐỖ ANH	TUẤN	K14KTR1	0	0	0						V	0.0	Khăng		
6	1409	BÙI ĐÌNH	LỢI	K14KTR2	6	6	5						2	0.0	Khăng		
7	1402	NGUYỄN HOÀNG LONG	KHÁNH	K14KTR2	6	6	5						5	5.2	Nằm pháy Hai		
8	4580	LÊ QUỐC	ÂN	K14KTR2	8	8	5						4	5.1	Nằm pháy Mất		
9	1427	VÕ HOÀNG BẢO	PHƯƠNG	K15KTR1	6	0	0						V	0.0	Khăng		
10	2834	PHẠM NGỌC	TÀI	K15KTR2	7	7	5						4	4.9	Bấu pháy Chên		
11	3003	HỒ AN BẢO	TRUNG	K15KTR2	7	7	6						4	5.1	Nằm pháy Mất		
12	3032	NGUYỄN THÁI	HÙNG	K15KTR2	6	6	5						2	0.0	Khăng		
13	5835	NGUYỄN ĐẮC THANH	TÙNG	K15KTR2	7	7	5						4	4.9	Bấu pháy Chên		

Ngày thi: 30/03/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10	10	25						55	100			
14	3034	NGUYỄN THANH PHÁP	K15KTR6	7	7	5						4	4.9	Bất pháp Chên		
15	0836	MAI NHỊ LONG	K15KTR	6	6	5						5	5.2	Nằm pháp Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	161	63%	
2	Số sinh viên nợ	96	37%	
TỔNG CỘNG :		257	100%	

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2011

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Thị Lan Anh

Vưu Hữu Thạnh

ThS. Nguyễn Hữu Phú